TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2020/HS-ST
Ngày 26 - 02 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, tỉnh T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Tiến Thịnh

Ông Nguyễn Thiện Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Đức H, sinh ngày 31 tháng 01 năm 1992, tại tỉnh T; nơi cư trú: xã Q, huyện K, tỉnh T; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn R, sinh năm 1965 và con bà: Bùi Thị Th, sinh năm 1966; vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1991; có 02 con: Con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2019 đến ngày 18/12/2019 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an thành phố Thái Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1991; trú tại: Thôn K, xã Q, huyện K, tỉnh T; có mặt.

- Người chứng kiến:

1. Ông Phạm Duy H, sinh năm 1961; Trú tại: Số nhà 06, đường C, tổ 40, phường Q, thành phố T; vắng mặt.

2. Ông Tăng Đình Ch, sinh năm 1957; Trú tại: Số nhà 41, tổ 33, phường Q, thành phố T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15 tháng 12 năm 2019, Lê Đức H điều khiển xe máy nhãn hiệu Exciter, màu xanh - đen, biển số 17B7 - 400.76 từ nhà đến khu vực ngõ 2, đường H, tổ 49, phường Q, thành phố T, tỉnh T mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khi đến nơi H gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng, H nhận 01 gói ma túy và cầm ở lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe máy đi tìm chỗ sử dụng. Khi H đi đến khu vực ngõ 12, đường H, tổ 50, phường Q, thành phố T thì bị tổ công tác Công an phường Q, thành phố T yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Phạm Duy H và ông Tăng Đình Ch, H tự giác đưa từ lòng tay trái giao nộp cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong là ma túy, loại he, có khối lượng 0,1336 gam. Sau đó tổ công tác yêu cầu H và mời hai người chứng kiến về trụ sở Công an phường Q để kiểm tra người H. Qua kiểm tra tổ công tác thu tại túi quần bên trái phía trước của H 01 điện thoại OPPO màu đen; thu tại túi quần bên phải phía sau của H 01 ví giả da màu nâu bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Đức H và số tiền 11.000 đồng, ngoài ra không thu giữ gì thêm. Sau đó tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng và chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter, màu xanh - đen, biển số 17B7 - 400.76.

Tại bản kết luận giám định số 461/KLGĐ - PC09 ngày 16/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi: "Vật chứng thu giữ của Lê Đức H là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,1336 gam".

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức H không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSTPTB ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Lê Đức H về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức H phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*";

* Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Hoàng Ngọc D mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2019.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, không giao dịch để bán kiếm lời nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định; trả lại cho bị cáo số tiền 11.000 đồng; 01 ví giả da màu nâu; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe và 01 điện thoại OPPO màu đen .

Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter biển số 17B7 - 400.76 là phù hợp, cần chấp nhận.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo mức án thấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 15 tháng 12 năm 2019, tại khu vực ngõ 12, đường H, thuộc tổ 50, phường Q, thành phố T, Lê Đức H có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,1336 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 15 giờ 25 phút ngày 15 tháng 12 năm 2019; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; bản kết luận giám định số: 461/KLGĐ-PC09 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; lời khai của người chứng kiến; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.Theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 249 Bộ luật Hình sự:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

...".

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Đức H phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đức H không có tiền án tiền sự, bị cáo có nhân thân tốt đã tham gia nghĩa vụ quân sự tại tiểu đoàn 97, Bộ tư lệnh pháo binh thời gian từ tháng 09/2009 đến tháng 01/2011. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản",* do bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, thu nhập của bị cáo không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Lê Đức H khối lượng 0,1336 gam ma túy loại hêrôin còn lại sau giám định là 0,1120 gam ma túy trong phong bì niêm phong số 461/KLGĐ-PC09 là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Lê Đức H 01 điện thoại OPPO màu đen; 01 ví giả da màu nâu; 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Đức H; số tiền 11.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7.2] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter, màu xanh - đen, biển số 17B7 – 400.76. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên là tài sản chung hợp pháp của Lê Đức H và chị Nguyễn Thị Thanh H; sinh năm 1991; trú tại: Thôn K, xã Q, huyện K, tỉnh T, nên ngày 03/01/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị Thanh H, chị Hoa không có ý kiến gì.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Lê Đức H khai mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không biết tên, khu vực ngõ 02, đường H, tổ 49, phường Q, thành phố T, nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức H phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Đức H 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 15 tháng 12 năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy có trong 01 phong bì niêm phong số 461/KLGĐ mẫu vật hoàn trả sau giám định.

3.2. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại OPPO màu đen; 01 ví giả da màu nâu; 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Lê Đức H; số tiền 11.000 đồng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình, tỉnh T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh T ngày 17 tháng 01 năm 2020 và biên lai thu tiền số 0001545 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh T).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Đức H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quuyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh T;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh T;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền